| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 360/2024/HC-PT
Ngày: 20-9-2024
*V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông **Trương Công Thi**

*- Các Thẩm phán:* ông **Nguyễn Văn Tào**

ông **Phạm Ngọc Thái**

*- Thư ký phiên toà:* ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* bà **Bùi Ngô Ý Nhi**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 213/2024/TLPT-HC ngày 22/7/2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1780/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

***- Người khởi kiện:*** Bà Lê Thị B, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1974; Địa chỉ: K, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* ông Nguyễn Văn H - Luật sư Công ty L2; Địa chỉ: B Khu T, C L, phường A, quận A, TP ., có đơn xin xử vắng mặt

***- Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

2. Ủy ban nhân dân huyện N.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trương Văn T1 – Phó chủ tịch UBND huyện N, có đơn xin xử vắng mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

+ Ông Lê Văn T2 – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, vắng mặt

+ Ông Bùi Thế K - Phó Giám đốc Trung tâm B2 thuộc Công ty CP Đ, có mặt

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Trí T3 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q, vắng mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Trần Đình L – Phó Chủ tịch Thường trực Hội luật gia tỉnh Q, có mặt

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Võ Thị P, sinh năm 1950; vắng mặt

2. Ông Lê Văn B1, sinh năm 1980; vắng mặt

3. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1979; vắng mặt

4. Bà Lê Thị Thúy N, sinh năm 1984; vắng mặt

5. Ông Huỳnh Xuân V; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Phước, ông B1, bà L1, bà N, ông V:* ông Võ Văn T, sinh năm 1974, có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại hồ sơ vụ án và tại phiên toà, người khởi kiện bà Lê Thị B, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:*

Thực hiện dự án Vệt hành lang an toàn đường sắt Bắc Nam và hành lang trước Khu công nghiệp C - T – đợt 3 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, UBND huyện N đã thu hồi đất của hộ bà Võ Thị P (mẹ của bà Lê Thị B); trong đó có đất của bà B đã được vợ chồng bà Phước tặng cho cùng với nhà vào năm 2012. UBND huyện N thực hiện việc kiểm kê và bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, vật kiến trúc xây dựng trên diện tích đất đó cho vợ chồng bà Lê Thị B và ông Huỳnh Xuân V.

Ngày 16/8/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 16364/QĐ-UBND

về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Lê Thị B và ông Huỳnh Xuân V để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Vệt hành lang an toàn đường sắt Bắc-N và hành lang trước Khu công nghiệp C - T – đợt 3 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Theo đó, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà ở và vật kiến trúc là 267.861.430 đồng; đồng thời bố trí lô đất số N1.3-32, khu dân cư cán bộ, bác sĩ Bệnh viện Đ1 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam để bà B và ông V làm nhà ở tái định cư, số tiền sử dụng đất bà B, ông V phải nộp để được giao nhận đất tái định cư và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 48.840.000 đồng.

Ngày 23/8/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 16635/QĐ-UBND về việc huỷ bỏ phần 2, Điều 1 Quyết định số 16364/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Lê Thị B và ông Huỳnh Xuân V để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Vệt hành lang an toàn đường sắt Bắc - N và hành lang trước Khu công nghiệp C - T – đợt 3 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư như trên, bà B và ông V đã khiếu nại đối với Quyết định số 16364/QĐ-UBND và Quyết định số 16635/QĐ-UBND của UBND huyện N.

Ngày 16/3/2022, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1743/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị B, thường trú thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần đầu). Theo đó, công nhận một phần nội dung khiếu nại của bà Lê Thị B khiếu nại đối với Quyết định số16364/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 và Quyết định số 16635/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND huyện N; bố trí cho bà B và ông V 01 lô đất tái định cư, bà B và ông V phải nộp 100% tiền sử dụng đất.

Không đồng ý với Quyết định số 1743/QĐ-UBND, bà B khiếu nại. Ngày28/6/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1724/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị B, trú tại thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần hai). Theo đó, không công nhận các nội dung khiếu nại và đề nghị của bà B.

Ngày 29/6/2023, UBND huyện N có Quyết định số 4596/QĐ-UBND về việc bố trí cho bà B, ông V 01 lô đất tái định cư; bà B, ông V phải nộp 627.000.000 đồng để được giao nhận đất làm nhà ở tái định cư và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Lê Thị B không đồng ý với nội dung các quyết định nêu trên, khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết các vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị B, trú tại thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần hai) về nội dung thu 100% tiền sử dụng đất đối với lô đất bố trí tái định cư cho bà Lê Thị B.

- Huỷ một phần Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện N về nội dung buộc bà Lê Thị B phải nộp 627.000.000 đồng để được giao nhận đất làm nhà ở tái định cư và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N không thu 100% tiền sử dụng đất hoặc áp dụng theo nguyên tắc công bằng ngang giá đối với đất ở trong cùng một khu vực đối với lô đất bố trí tái định cư cho bà B, ông V theo Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện N.

Và bà B rút yêu cầu khởi kiện về việc: yêu cầu hủy Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện N về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị B, thường trú thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần đầu); hủy Quyết định số 16635/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 của UBND huyện N về việc hủy bỏ phần 2, Điều 1 Quyết định số 16364/QĐ- UBND ngày 16/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Lê Thị B và ông Huỳnh Xuân V để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Vệt hành lang an toàn đường sắt B và hành lang trước Khu công nghiệp C- T - đợt 3 tai xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

*Tại hồ sơ vụ án và tại phiên toà, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Q trình bày:*

Người bị kiện thống nhất với việc người khởi kiện rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện. Chủ tịch UBND tỉnh Q giữ nguyên nội dung Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị B, trú tại thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần hai).

Đối với nội dung khởi kiện của bà B về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 1724/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị B, trú tại thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần hai) có liên quan đến nội dung thu 100% tiền sử dụng đất khi bố trí đất tái định cư thì người bị kiện xét thấy: Tại thời điểm thu hồi đất của hộ ông Lê Văn M, bà Võ Thị P (là cha mẹ của bà Lê Thị B), bà B cùng chồng là ông Huỳnh Xuân V và con ở trong ngôi nhà được xây dựng trên diện tích đất của ông Lê Văn M, bà Võ Thị P; đồng thời bà Lê Thị B có tên đăng ký nhân khẩu trong Sổ hộ khẩu của hộ ông Lê Văn M, bà Võ Thị P (do ông Lê Văn M làm chủ hộ); được UBND xã T xác nhận không có đất ở trên địa bàn xã T (tại Công văn số 07/UBND ngày 19/01/2022). Do đó, thông qua giải quyết khiếu nại lần đầu, UBND huyện N vận dụng khoản 5 Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 và Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2027 của UBND tỉnh Q) để bố trí cho bà Lê Thị B và ông Huỳnh Xuân

V 01 lô đất tái định cư và phải nộp 100% tiền sử dụng đất; như vậy là phù hợp. Bà Lê Thị B yêu cầu không thu 100% tiền sử dụng đất hoặc áp dụng theo nguyên tắc công bằng ngang giá đối với đất ở trong cùng một khu vực đối với lô đất bố trí tái định cư cho bà là không có cơ sở xem xét, công nhận. Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Q không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà B.

*Tại hồ sơ vụ án và tại phiên toà, người bị kiện (UBND huyện N, Chủ tịch UBND huyện N) và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày*:

Người bị kiện thống nhất với việc người khởi kiện rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện. Giữ nguyên nội dung các quyết định đã ban hành đối với hộ bà Lê Thị B trong quá trình thực hiện dự án Vệt hành lang an toàn đường sắt Bắc Nam và hành lang trước Khu công nghiệp C - T – đợt 3 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cũng như quá trình giải quyết khiếu nại đối với khiếu nại, yêu cầu của bà.

Đối với nội dung khởi kiện của bà B về việc yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện N về nội dung buộc bà Lê Thị B phải nộp 627.000.000 đồng để được giao nhận đất làm nhà ở tái định cư và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và buộc không thu 100% tiền sử dụng đất hoặc áp dụng theo nguyên tắc công bằng ngang giá đối với đất ở trong cùng một khu vực đối với lô đất bố trí tái định cư cho bà B, ông V theo Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 thì thấy: Việc tái định cư cho hộ bà Lê Thị B và ông Huỳnh Xuân V đã đảm bảo quy định về tái định cư theo quy định của pháp luật và trên địa bàn huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B.

*Người đại diện theo uỷ quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bà Võ Thị P trình bày*:

Thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Căn cứ các Điều 143, 173 của Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ xét xử đối với nội dung khởi kiện của bà Lê Thị B về việc yêu cầu: hủy Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị B, thường trú thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần đầu); hủy Quyết định số 16635/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc hủy bỏ phần 2, Điều 1 Quyết

định số 16364/QĐ- UBND ngày 16/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Lê Thị B và ông Huỳnh Xuân V để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án: Vệt hành lang an toàn đường sắt Bắc - N và hành lang trước Khu công nghiệp C- T- đợt 3 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

2. Căn cứ các Điều 3, 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B đối với Chủ tịch UBND tỉnh Q; Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị B, trú tại thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần hai) về nội dung thu 100% tiền sử dụng đất đối với lô đất bố trí tái định cư cho bà Lê Thị B, ông Huỳnh Xuân V.

- Yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện N về nội dung buộc bà Lê Thị B phải nộp 627.000.000 đồng để được giao nhận đất làm nhà ở tái định cư và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện N không thu 100% tiền sử dụng đất hoặc áp dụng theo nguyên tắc công bằng ngang giá đối với đất ở trong cùng một khu vực đối với lô đất bố trí tái định cư cho bà B, ông V theo Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện N.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/5/2024 người khởi kiện bà Lê Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo bà B cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, nhận định không đúng bản chất vụ án, việc bố trí tái định cư nhưng thu 100% tiền sử dụng đất đối với bà B, ông V là không đúng pháp luật, nay bà B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, hủy các quyết định hành chính mà bà đã khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà B, ông Võ Văn T giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của

luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị B, sửa Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm, hủy Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện N về nội dung bà Lê Thị B phải nộp số tiền 627.000.000 đồng, buộc Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định khác thay thế, xác định thu 100% tiền sử dụng đất, theo giá đất quy định tại thời điểm thu hồi đất để thực hiện Dự án Vệt hành lang an toàn đường sắt Bắc-N1 và hành lang trước Khu công nghiệp C - T – đợt 3 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, xem xét kháng cáo của bà Lê Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Toà án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định theo quy định tại Điều 3; Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- Kháng cáo của bà Lê Thị B là hợp lệ, trong thời hạn luật định, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ 02, do vậy Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xem xét quá trình khiếu kiện của bà Lê Thị B, xét thấy: Thực hiện dự án Vệt hành lang an toàn đường sắt Bắc Nam và hành lang trước Khu công nghiệp C - T – đợt 3 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, UBND huyện N đã thu hồi đất của hộ ông Lê Văn M và bà Võ Thị P *(cha mẹ của bà Lê Thị B)*, đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ địa chính số 1-2019, theo Quyết định số 16154/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND huyện N. Bà Lê Thị B và ông Huỳnh Xuân V không có đất bị thu hồi nhưng có nhà ở, vật kiến trúc trên diện tích đất bị thu hồi nên được bồi thường, hỗ trợ về tài sản. Ngày 16/8/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 16364/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Lê Thị B và ông Huỳnh Xuân V để thực hiện dự án nêu trên. Theo Quyết định số 16364/QĐ-UBND, tại phần 1 điều 1 quy định về bồi thường, hỗ trợ về nhà ở và vật kiến trúc với số tiền là 267.861.430 đồng; tại phần 2 điều 1 quy định bố trí lô đất số N1.3-32, khu dân cư cán bộ bác sĩ Bệnh viện Đ1 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam để bà B và ông V làm nhà ở tái định cư, số tiền sử dụng đất bà B, ông V phải nộp để được giao nhận đất tái định cư là 48.840.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 23/8/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 16635/QĐ-UBND về việc

huỷ bỏ phần 2, Điều 1 Quyết định số 16364/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Lê Thị B và ông Huỳnh Xuân V, tức là hủy bỏ nội dung việc bố trí tái định cư cho bà Lê Thị B và ông Huỳnh Xuân V. Lý do hủy bỏ: *"Theo quy định bà Lê Thị B và ông Huỳnh Xuân V không thuộc diện được bố trí tái định cư"*, bà B và ông V đã khiếu nại đối với Quyết định số 16364/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 và Quyết định số 16635/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND huyện N.

Ngày 16/3/2022, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1743/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị B, thường trú thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Nội dung quyết định đã công nhận một phần nội dung khiếu nại của bà B đối với Quyết định 16364/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 và Quyết định số 16635/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND huyện N; đồng ý bố trí cho bà B và ông V 01 lô đất tái định cư, bà B và ông V phải nộp 100% tiền sử dụng đất.

Không đồng ý với Quyết định số 1743/QĐ-UBND, bà B khiếu nại. Ngày 28/6/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Q đã ban hành Quyết định số 1724/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị B, nội dung không công nhận các nội dung khiếu nại và đề nghị của bà B.

Ngày 29/6/2023, UBND huyện N ban hành Quyết định số 4596/QĐ-UBND về việc bố trí tái định cư cho bà Lê Thị B, ông Huỳnh Xuân V để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Vệt hành lang an toàn đường sắt Bắc Nam và hành lang trước Khu công nghiệp C - T – đợt 3 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Theo đó thì bố trí cho bà B, ông V lô đất số N1.3-32, khu dân cư cán bộ, bác sĩ Bệnh viện Đ1 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam *(cũng chính là lô đất cũ, đã bố trí trước đó tại Quyết định số 16364/QĐ-UBND)*; nhưng xác định bà B, ông V phải nộp **627.000.000 đồng** để được giao nhận đất làm nhà ở tái định cư và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2]. Xét thấy, hộ bà B, ông V không có đất bị thu hồi trong dự án nên không được bố trí lô tái định cư như các trường hợp bị thu hồi đất, tuy nhiên, xét tình hình thực tế, điều kiện, hoàn cảnh của bà B, ông V bị ảnh hưởng bởi dự án, không có nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn, do vậy, UBND huyện N đã áp dụng khoản 5 Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q *(được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 và Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2027 của UBND tỉnh Q)* cụ thể như sau: "*Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở (đã được xây dựng trước ngày 01/7/2014) thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở, nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi mà hộ gia đình, cá nhân đó có nhu cầu giao lại đất ở thì được giao 01 lô đất ở với*

*diện tích tối thiểu theo quy hoạch chi tiết phân lô tại khu tái định cư và hộ gia đình, cá nhân phải nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá đất tái định cư*", để bố trí cho bà Lê Thị B và ông Huỳnh Xuân V 01 lô đất tái định cư và phải nộp 100% tiền sử dụng đất là phù hợp.

Do vậy, việc bà bé yêu cầu hủy Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị B và buộc Ủy ban nhân dân huyện N không thu 100% tiền sử dụng đất hoặc áp dụng theo nguyên tắc công bằng ngang giá đối với đất ở trong cùng một khu vực đối với lô đất bố trí tái định cư cho bà B, ông V là không đúng pháp luật.

[3]. Tuy nhiên, xem xét Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện N, xét thấy, với quá trình khiếu kiện nêu trên của bà B, ông V, ngày 16/8/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 16364/QĐ-UBND, tại phần 2 điều 1 quy định bố trí lô đất số N1.3-32, khu dân cư cán bộ bác sĩ Bệnh viện Đ1 tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, sau đó, ngày 23/8/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 16635/QĐ-UBND hủy bỏ nội dung tại phần 2 điều 1 Quyết định số 16364/QĐ-UBND, bà B, ông V khiếu nại, ngày 22/2/2023 UBND huyện N ban hành Quyết định số 878/ QĐ-UBND hủy bỏ các quyết định 3855/QĐ-UBND và 16635/QĐ-UBND, đến ngày 16/3/2022, Chủ tịch UBND huyện N ban hành lại Quyết định số 1743/QĐ-UBND, nội dung quyết định đã công nhận một phần nội dung khiếu nại của bà B.

Như vậy, chứng tỏ bà B khiếu nại đúng, trách nhiệm thuộc về các cơ quan Nhà nước, bà B không có lỗi dẫn đến sự việc bị chậm trễ, mặc khác theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị Định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, thì nguyên tắc là phải áp giá tại thời điểm có Quyết định số 16364/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND huyện N *(về bồi thường, hỗ trợ cho bà B, ông V)* do vậy, cần áp giá thu tiền sử dụng đất đối với bà B, ông V theo Quyết định 2461/QĐ-UBND ngày 07/92020 của UBND tỉnh Q mới đúng *(giá đất 2.550.000 đồng/m2, lô đất diện tích 132m2, tương ứng giá tiền 336.600.000 đồng)*. Tại Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện N đã áp giá thu tiền sử dụng đất tại lô đất số N1.3-32, khu dân cư cán bộ bác sĩ Bệnh viện Đ1 cũng là lô đất cũ, trước đây đã bố trí cho bà B, ông V, nhưng áp giá theo Quyết định số 4095/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Q về việc phê duyệt giá đất tái định cư dự án Khu dân cư cán bộ bác sĩ Bệnh viện Đ1 tại xã T, huyện N có hiệu lực từ ngày 12/6/2023 (*số lô 01, ký hiệu lô N1.3-lô 32, đơn giá 4.750.000 đồng/$m^2$*), buộc bà Lê Thị B phải nộp số tiền 627.000.000 đồng để được giao nhận đất làm nhà ở tái định cư và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà B, ông V.

Với phân tích nêu trên, tại Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà B về việc hủy Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND huyện N là không đúng, vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần Bản án sơ thẩm hủy Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND huyện N như đại điện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị.

[4].Về án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên sửa lại người phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[5]. Đối với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, do không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Lê Thị B, sửa một phần Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng khoản 2 Điều 74; Điều 75; Điều 114 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 6 Nghị Định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị Định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ quy định về giá đất; Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q*(được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 và Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của* UBND tỉnh Q*)*

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị B, trú tại thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần hai) về nội dung thu 100% tiền sử dụng đất đối với lô đất bố trí tái định cư cho bà Lê Thị B, ông Huỳnh Xuân V.

- Yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện N không thu 100% tiền sử dụng đất hoặc áp dụng theo nguyên tắc công bằng ngang giá đối với đất ở trong cùng một khu vực đối với lô đất bố trí tái định cư cho bà B, ông V theo Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện N.

2. Chấp nhận yêu cầu về việc huỷ một phần Quyết định số 4596/QĐ-UBND

ngày 29 tháng 6 năm 2023 của UBND huyện N về nội dung bà Lê Thị B phải nộp số tiền 627.000.000 đồng, buộc Ủy ban nhân dân huyện N ban hành lại quyết định khác thay thế, xác định thu 100% tiền sử dụng đất, theo giá đất quy định tại Quyết định 2461/QĐ-UBND ngày 07/92020 của UBND tỉnh Q để lập thủ tục giao nhận đất làm nhà ở tái định cư và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B, ông V.

3. Án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm: Áp dụng các điểm 1, 2 Điều 32; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

- UBND huyện N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

- Bà Lê Thị B không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm hành chính, hoàn trả lại 600.000 đồng (*sáu trăm ngàn đồng*) tại các Biên lai số 0000498 ngày 18/7/2023 và Biên lai số 0000115 ngày 10/5/2024 *(do ông Võ Văn T nộp thay)* của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam cho bà Lê Thị B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Công Thi**